

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 200/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt 11 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo*).

Nội dung cơ bản của các thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 và Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự 4, mục I, phần A của Phụ lục I kèm theo Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; công bố danh mục 05 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Bãi bỏ danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự 2, điểm a, số thứ tự 1 và 2 điểm b, mục I, phần A; các số thứ tự 1,2,3, điểm a, mục I, phần B của Phụ lục kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc

công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Bãi bỏ các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại mục I: số thứ tự 4, 6, 22, 23, 24 và mục II: số thứ tự 3, 9, tại phần A, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, KT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC^(A).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thạch

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 TTHC)

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)							
I	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01 TTHC)							
1		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hai mươi bảy (27) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
II	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (01 TTHC)							
1		Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	- Điều 14 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Cơ quan giải quyết: Chi cục Kiểm lâm

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (10 TTHC)

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (10 TTHC)								
a. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (04 TTHC)								
1	1.008672	<i>Phê duyệt phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên</i>	Mười một (11) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15; Khoản 4, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 10 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sửa đổi tên thủ tục hành chính; bổ sung căn cứ pháp lý

¹ Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Mười năm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Điều 13 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Bổ sung căn cứ pháp lý
3	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hai mươi bảy (27) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Bổ sung căn cứ pháp lý
4	1.014022	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	Mười sáu (16) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Điều 11 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT	- Sửa đổi tên thủ tục hành chính; bổ sung căn cứ pháp lý

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	
b	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (06 TTHC)							
1	3.000198	<i>Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</i>	Mười bốn (14) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	1. Phí lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Trung ương: - Công nhận lâm phần chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống; 2. Phí lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của địa phương: * Trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: Công nhận cây mẹ, cây đầu dòng là 2.000.000	- Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi tên thủ tục hành chính; bổ sung căn cứ pháp lý

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đồng/01 lần bình tuyển; Công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống là 5.000.000 đ/01 lần bình tuyển. * Trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến: 0 đồng		
2	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp ²	Bốn (04) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	Không	- Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Bổ sung căn cứ pháp lý
3	1.007916	Nộp tiền trồng rừng thay thế	Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án là 18 ngày làm việc. Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	Không	- Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sửa đổi tên thủ tục hành chính; bổ sung căn cứ pháp lý

² Áp dụng đối với đối với tổ chức, cá nhân không thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			là 27 ngày làm việc.					
4	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: 04 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.	Không	- Điều 5, Thông tư số 26/2025/TTBNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, được sửa đổi bổ sung bởi <i>Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT</i> ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Bổ sung căn cứ pháp lý
5	1.004819	<i>Dăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES</i>	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc; Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng: 15 ngày làm việc; Trường hợp nuôi, trồng loài thuộc Phụ lục CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi,	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; -	- Sửa đổi tên thủ tục hành chính; bổ sung căn cứ pháp lý
6	3.000496	<i>Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES</i>						

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			trồng tại Việt Nam Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc, Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc;				- Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại Quyết định	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)		
I	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01 TTHC)		
1	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận (1.014021)	Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (01 TTHC)		
1	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (3.000180)	Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; công bố danh mục 05 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Tổng số danh mục TTHC công bố:	14	TTHC
+Trong đó: Cấp tỉnh	14	TTHC
+Tổng số danh mục TTHC mới ban hành	02	TTHC
+Tổng số danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung	10	TTHC
+Tổng số danh mục TTHC bãi bỏ	02	TTHC
+TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	12	TTHC

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (11 Quy trình)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (08 Quy trình)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm (02 giờ) Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm (02 giờ)	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	7,75 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu; Chuyển hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bộ phận Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc

Bước 7	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường.	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mã TTHC: 3.000198)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	10,75 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt	Lãnh đạo phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu; Chuyển hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bộ phận Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			14 ngày làm việc

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp¹ (Mã TTHC: 3.000179)			
Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	2,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0,25 ngày làm việc
	Xem xét trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
	Vào sổ, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh.	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	
Bước 6	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			04 ngày làm việc

¹ Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân không thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý

4. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã TTHC: 1.007916)

* Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm (02 giờ) Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, thuộc Chi cục Kiểm lâm (02 giờ)	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	02 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
Bước 6	- Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Thẩm tra hồ sơ; Trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh duyệt, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả giải quyết; - Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực Phòng Kinh tế - Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	Không tính thời gian

		tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử			08 ngày làm việc
Bước không thực hiện trên quy trình điện tử			
	Kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận, chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế	Chủ dự án	07 ngày làm việc
	Sau khi nhận được tiền từ chủ dự án nộp, Quỹ Bảo vệ rừng và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng	03 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			18 ngày làm việc

* Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	02 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc

Bước 6	Lãnh đạo Sở xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Thẩm tra hồ sơ; Trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh duyệt, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả giải quyết; - Gửi hồ sơ thông báo cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực Phòng Kinh tế - Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử			05 ngày làm việc
Bước không thực hiện trên quy trình điện tử			
Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận việc bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác.		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	03 ngày làm việc
Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm, diện tích, đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh tại thời điểm chủ đầu tư dự án đề nghị nộp tiền.		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc
Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế có văn bản xác nhận việc bố trí diện tích, loại rừng, địa điểm, đơn giá, kinh phí và bản sao quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng của tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí	08 ngày làm việc
Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về việc bố trí thực hiện trồng rừng tại địa phương khác		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	03 ngày làm việc
Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển tiền trồng rừng thay thế về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng.		Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	03 ngày làm việc
Trường hợp số tiền phải nộp theo đơn giá của tỉnh nơi tiếp nhận cao hơn số tiền đã nộp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thông báo cho chủ đầu tư dự án; trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ đầu tư dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch.			

Trường hợp số tiền phải nộp theo đơn giá của tỉnh nơi tiếp nhận thấp hơn số tiền đã nộp: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận hoàn trả số tiền chênh lệch và tiền lãi cho chủ đầu tư.

Tổng thời gian giải quyết TTHC	27 ngày làm việc
---------------------------------------	-------------------------

5. Quy trình nội bộ giải quyết nhóm TTHC:

- Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES (Mã TTHC: 1.004819)
- Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES (Mã TTHC: 3.000496)
- * Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	01, 13 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp duyệt, trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả kết quả giải quyết	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc

Bước 6	- Vào sổ, đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Gửi văn bản cấp mã số đến: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hạt Kiểm lâm sở tại.	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trường hợp hồ sơ hợp lệ và không cần kiểm tra thực tế điều kiện nuôi			03 ngày làm việc
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trường hợp hồ sơ hợp lệ và cần kiểm tra thực tế điều kiện nuôi			15 ngày làm việc

* Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	6,5 ngày làm việc

Bước 4	Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp duyệt, trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc
Bước 6	- Vào sổ, đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Gửi văn bản cấp mã số đến: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hạt Kiểm lâm sở tại. - Trường hợp cần thiết, gửi hồ sơ đến Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử			10 ngày làm việc
Bước không thực hiện trên quy trình điện tử			
Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam gửi hồ sơ cho Ban Thư ký CITES.		Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	02 ngày làm việc
Ban Thư ký CITES, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp mã số		Ban Thư ký CITES	02 ngày làm việc
Cơ quan cấp mã số thực hiện cấp mã số cho cơ sở nuôi, cơ sở trồng; trường hợp không cấp mã số, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.		Chi cục Kiểm lâm	02 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

* Trường hợp nuôi, trồng loài thuộc Phụ lục CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo Phòng duyệt	Công chức Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	08, 13 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp duyệt, trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Điều tra xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 6	- Vào sổ, đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Gửi văn bản cấp mã số đến: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hạt Kiểm lâm sở tại.	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trường hợp xin ý kiến tham vấn của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam			10 ngày làm việc
Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trường hợp xin ý kiến tham vấn của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam và phải kiểm tra thực tế			15 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (03 Quy trình)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mã TTHC:)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	- Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
		- Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý hồ sơ, tham mưu thành lập hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định và kiểm tra thực tế; tổng hợp và trình Lãnh đạo Phòng xem xét	Công chức Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	21 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục duyệt, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ký duyệt, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 7	- Vào sổ, đóng dấu. - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc

Bước 8	- Xem xét, thẩm tra hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả. Trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị - Vào sổ, đóng dấu; chuyển kết quả đến TTPVHCC tỉnh	Chuyên viên Phòng Kinh tế phụ trách lĩnh vực - Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			27 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Phê duyệt phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (Mã TTHC: 1.008672)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	- Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc

		- Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định của các sở, ngành liên quan; tổng hợp và trình Lãnh đạo Phòng xem xét	Công chức Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	6,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục duyệt, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ký duyệt, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
Bước 7	- Vào sổ, đóng dấu. - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 8	- Xem xét, thẩm tra hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả. Trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị - Vào sổ, đóng dấu; chuyển kết quả đến TTPVHCC tỉnh	Chuyên viên Phòng Kinh tế phụ trách lĩnh vực - Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			11 ngày làm việc

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên (Mã TTHC: 1.014022)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành	Chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp.	0,25 ngày làm việc

	NN&MT và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Xem xét phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý, tham mưu giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị).	Công chức Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	12 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục duyệt, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc
Bước 7	Vào sổ, đóng dấu; chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân (tùy theo đăng ký).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			16 ngày làm việc